



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN QUANG TRINH
Last Middle First

Current Address: 76/11 Nguyễn Trung Trực PII Thị xã Tân An Long An -

Date of Birth: 10/28/31 Place of Birth: Chợ Lớn

Previous Occupation (before 1975) 1st Lt
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/27/75 To 02/08/83
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: TU QUY VU
Name
Cambridge, MA 02139-
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address & Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---|---------------------|
| _____ | _____ |
| _____ | _____ |
| _____ | _____ |
| _____ | _____ |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

PHIẾU KIỂM SOÁT

- Họ và tên: *Nguyễn Quang*

Card 2 *7/19/86*

Thẻ, bỏ tục, cảm ơn

Giấy ra trại

Cấp bằng, huy chương

Hồ sơ đầy đủ (Thủ đủ hồ sơ)

Computer *7/31/86*

- Các thủ khác :

Mẫu D

ODP list

Labels

Folder

Hồ sơ cần xerox

Hồ sơ đã chuyển ODP
ngày _____

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

ODP IN

DATE

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
 MRS. KHUC-MINH-THO
 PRESIDENT FAMILIES OF VN POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION.
 PD.
 ARLINGTON - VIRGINIA ^ USA.
 22.204

A. BASIC IDENTIFICATION DATA.

- 1- Name: NGUYEN-QUANG-TRINH Sex: Male
 2- Other names: /
 3- Date/Place of birth: Oct. 28, 1931 at CHOLON CITY VIETNAM
 4- Residence address: 76/11 Nguyen-Trung-Truc, Phường II, Thị xã Tân-An, LONG-AN - VIETNAM
 5- Mailing address: MR. TU-QUY VU
 CAMBRIDGE, MA 02139 - USA
 b. current occupation: Unemployed.

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME.

Note: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or single (S).

| Name | Date of birth | Place of birth | Sex | Marital | Relationship |
|-------------------------|----------------|----------------|--------|---------|------------------|
| NGUYEN THI BAC | 1938 | Long An | Female | (M) | Wife. |
| NGUYEN THI TUYET NHUNG | Sept. 1, 1957 | Long An | Female | (M) | Daughter |
| NGUYEN HUY HOANG | Dec. 2, 1959 | Long An | Male | (S) | Son |
| NGUYEN THI TUYET PHUONG | Oct. 13, 1960 | Long An | Female | (M) | Daughter |
| NGUYEN THI TUYET THU | Oct. 26, 1961 | Phước Tuy | Female | (S) | Daughter |
| NGUYEN QUOC KHANH | Aug. 16, 1963 | Phước Tuy | Male | (S) | Son |
| NGUYEN HUY CHUONG | Jul. 9, 1964 | Phước Tuy | Male | (S) | Son |
| NGUYEN THI TUYET HONG | Dec. 18, 1971 | Long An | Female | (S) | Daughter |
| NGUYEN THI TUYET SHONG | Dec. 27, 1969 | Long An | Female | (S) | Daughter |
| NGUYEN THI TUYET LAN | Jun. 15, 1975 | Long An | Female | (S) | Daughter |
| NGUYEN CHIEN THANG | Apr. 1, 1968 | Long An | Male | (S) | Son |
| NGUYEN VAN NAM | Jul. 15, 1956 | Tân An | Male | (M) | Son-in-law |
| NGUYEN HOANG NAM | Feb. 7, 1981 | Tân An | Male | - | Daughter's child |
| NGUYEN HOANG NHUT | Feb. 10, 1983 | Tân An | Male | - | -u- |
| NGUYEN HOANG YEN | Sept. 22, 1984 | Tân An | Female | - | -u- |
| PHAM CONG CHUC | Jun. 29, 1958 | Tân An | Male | (M) | Son-in-law |
| PHAM CONG CHANH | Feb. 20, 1980 | Tân An | Male | - | Daughter's child |
| PHAM CONG CHIEN | May 18, 1982 | Tân An | Male | - | -u- |
| PHAM THU TUYET-NGA | Jul. 2, 1984 | Tân An | Female | - | -u- |

Note: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification card (if available), and their address in section I below.

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM.

1. Closest relative in the U.S.

- a. Name = /
- b. Relationship /
- c. Address /
- d. Date of relatives arrival in the U.S.

| | | |
|--|-------------------|---------------------|
| | <u>of myself.</u> | <u>of my spouse</u> |
|--|-------------------|---------------------|

2. Closest relative in other foreign countries.

- a. Name : NGUYEN QUANG THANH (of myself)
- b. Relationship : Brother
- c. Address : Bat. Chopin B. No 38
Av. P. Martin Luther King 38.300
BOURGOIN - JALLIEU. FRANCE.

D. COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/DEAD)

- 1. Father = NGUYEN VAN PHO (dead)
- 2. Mother = DO THI KIEM (dead)
- 3. Spouse = NGUYEN THI BAC
- 4. Former Spouse (if any) /
- 5. Children :

- NGUYEN THI TUYET NHUNG
- NGUYEN HUY HOANG
- NGUYEN THI TUYET PHUONG
- NGUYEN THI TUYET THU
- NGUYEN QUOC KHANH
- NGUYEN HUY CHUONG
- NGUYEN CHIEN THANG
- NGUYEN THI TUYET SUONG
- NGUYEN THI TUYET HONG
- NGUYEN QUANG TRUNG (dead)
- NGUYEN THI TUYET LAN

6. Siblings.

- 1. NGUYEN QUANG THANH (Brother)
- 2. NGUYEN MINH BACH -u-
- 3. NGUYEN LIEM SI -u-

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE.

- 1. Employee name /
- 2. Position title /
Agency / Company / Office.
Length of employment
Name of American Supervisor
Reason for separation.

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE

- 1. Name of person serving : NGUYEN QUANG TRINH
- 2. Date : From Jan. 1, 1965 to April 30, 1975.
- 3. Last rank : Lieutenant Serial number (forget)
- 4. Ministry / Office / Military unit = Interior Ministry.
(National Police Command - Special Branch).
- 5. Name of Supervisor / C.O. = General NGUYEN KHACH BINH
General HUYNH THOI TAY (Special Branch).

6 - Reason for separation = Collapse of the former South-Vietnamese Government.

7 - Name of American Supervisor (s) (forget) /

8 - US training courses in Vietnam = No /

9 - US awards or certificates = No /

Name of award / Date received /

Note: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE.

1 - Name of Student / Trainee = NGUYEN-QUANG-TRINH

2 - School and school address

A - Police depot (Kuala Lumpur - MALAYSIA).

B - International Police Academy (I.P.A.)

(Washington D.C.)

3 - Dates = -

A - From (4 weeks in October 1966)

B - From August 16, to November 5, 1971

4 - Description of Courses.

A - Intelligence course

B - Criminal and Security Investigation. (1)

5 - Who paid for training.

A - The U.S.O.M.

B - The U.S.A.I.D.

Note: Please attach copies of diplomas, or orders, if available.

(1) Having 1 Diploma and 1 Commendation from the International Police Academy, but they lost after the event of the collapse of the former Vietnamese Republic Government.

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1 - Name of Person in Re-education = NGUYEN-QUANG-TRINH

2 - Time in Re-education = From June 27, 1975 to Feb. 8, 1983.

3 - Still in Re-education = No

(if released, we must have a copy of your release certificate.)

I. ANY ADDITIONAL REMARK?

I and my family are in trouble situation: Unemployed, abundant in children, no means of earning living. We have a lot of particularly skilled professions, but we cannot get any jobs appropriate to do. So I would like to emigrate to the USA in order to obtain a great assistance from my professions.

Signature

Quang

Date April 20, 1986

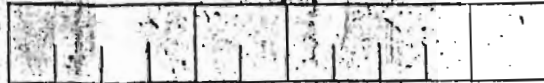
J. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE.

1 - Copy of release certificate.

* (I will complete all legible copies of birth certificates and marriage certificates for the person listed above. (Page 1).

Trại

Số 56 TR 27 GRT



SHSLB

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 08 ngày 29 tháng 01 năm 1963

ở Bộ Nội vụ
Bị quy cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN QUANG TRINH Sinh năm 19 31

Tên gọi khác

Khẩu sinh Chợ lớn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 75/11 Đường Nguyễn Trung Trực, Lạng Sơn

Cán tại Trung úy, Khoa viên Khoa Cảnh sát đặc biệt

Bị bắt ngày 27 tháng 6 năm 1975 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số 08 ngày 29 tháng 01 năm 1963 của

Đã bị giam án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Hiện về cư trú tại Trú quán trên. Quán số 12 tháng.
Nhận xét quá trình cải tạo

Đã thành thạo khai báo tài liệu của bản thân tương đối rõ ràng xác định được vị trí trong học tập cải tạo, lao động, chấp hành thường xuyên suất chữa đờn và học tập tham gia đều, nội quy kỷ luật của trại chấp hành khá đĩnh đạc có lợi sai phạm lớn; Cải tạo xếp loại trung bình.

Đề nghị chính quyền địa phương tiếp tục giáo dục tiếp.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày tháng năm 19

Liên hệ ngay trở phí

Của
Định Nguyễn Quang Trinh
Lập tại 072

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

Ngày 8 tháng năm 19 83
Giờ 2 thị

Nguyễn Quang Trinh

Handwritten signature

TU QUY VU

CAMBRIDGE, MA 02139

CERTIFIED

P 418 427 493

MAIL



U.S. POSTAGE

167



Claim Check
No. 226436

Hold

Date

7-12-86
1ST Notice

~~7-12-86~~
2ND Notice

7-27
Return

Detached from
PS Form 3849-A,
Oct. 1985

Ms. KHUC MINH THO
PRESIDENT FAMILIES OF VIETNAM POLITICAL
PRISONERS ASSOCIATION

ARLINGTON, VIRGINIA ~~22211~~
USA

RETURN RECEIPT
REQUESTED